TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC KẠN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82/2018/QĐST-HNGĐ	*TP Bắc Kạn, ngày 07 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2018/TLST - HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Triệu Văn L** - Sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Tạm trú tại: Tổ B, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Chị **Hạ Thị Thanh G** - Sinh năm 1990.

Nơi ĐKHKTT: xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tạm trú tại: Tổ B, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Triệu Văn L và chị Hạ Thị Thanh G.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Triệu Văn L và bị đơn chị Hạ Thị Thanh G thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Triệu Thị Kim N sinh ngày 07/8/2015, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị Hạ Thị Thanh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Triệu Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Triệu Thị Kim N sinh ngày 07/8/2015 định kỳ mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về vay nợ chung: Anh Triệu Văn L và chị Hạ Thị Thu G không nợ ai và không cho ai nợ.

6. Về án phí: Anh Triệu Văn L tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và anh Triệu Văn L phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 05261 ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn. Anh Triệu Văn L đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND thành phố Bắc Kạn (02b);
- Chi cục THADS thành phố Bắc Kạn (01b);
- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (01b);
- UBND xã P, huyện C (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu Vp.

THẨM PHÁN

Tạ Văn Tư